TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HSST.
Ngày 17/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Đức Năm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tiến và bà Lê Thị Hồng Vinh.

Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 02/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991 (tên gọi khác: T).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ph, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D và bà Đinh Thị H; vợ Trần Thị C; có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến nay tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

*Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ĐTH có địa chỉ tại thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh do ông Nguyễn Văn T - Giám đốc đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 10/6/2017, Nguyễn Ngọc A đến nhà anh Nguyễn Đức Th thuê 01 xe ôtô tự lái loại 7 chỗ, nhãn hiệu Chevrolet Captiva BKS 30A-020… của anh Th để phục vụ nhu cầu đi lại của bản thân. Đến ngày 12/6/2017, do không có

tiền tiêu xài cá nhân nên A đã cầm cố chiếc xe trên cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ ĐTH (gọi tắt là công ty ĐTH) do anh Nguyễn Văn T làm Giám đốc, để vay 150.000.000đ. Sau khi nhận tiền A tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng chuộc xe để trả lại cho anh Th. Ngày 07/10/2017 A đến Công an huyện Y đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc A; 01 giấy bán xe; 01 giấy nhận tiền; 01 giấy ký gửi do anh Nguyễn Hữu L giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51 ngày 10/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Chiếc xe ôtô BKS 30A-020… có giá trị còn lại là 230.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 166/CTr-VKS ngày 29/11/2017 của Viện trưởng VKSND huyện Y đã truy tố Nguyễn Ngọc A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng và khai nhận: Do quen biết với anh Nguyễn Đức Th từ trước và đã từng thuê xe của anh Th nhiều lần nên khoảng 19 giờ ngày 09/6/2017 A đến nhà anh Th đặt vấn đề thuê chiếc xe ôtô loại 7 chỗ, nhãn hiệu Chevrolet Captiva BKS 30A-020… của anh Th với giá thỏa thuận là 750.000đ/ngày, thời hạn thuê là 8-10 ngày. Anh Th đồng ý và giao xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho A (gồm đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy chứng nhận kiểm định xe) mà không ký hợp đồng thuê xe và cũng không yêu cầu A phải đặt giấy tờ, tài sản gì. Sau khi thuê xe, A sử dụng xe đi lại đến ngày 12/6/2017 thì nảy sinh ý định cầm cố xe để lấy tiền tiêu xài. A rủ Nguyễn Văn Th đến nhà anh Nguyễn Văn Tu, đến nơi A nhờ Tu hỏi chỗ "cắm" xe. Tu có hỏi nguồn gốc xe thì A nói là xe của A. Tu gọi điện thoại cho ai đó rồi bảo A chở Tu cùng Th đến công ty ĐTH. Đến nơi Th ngồi ngoài cửa, còn Tu và A đi vào thì gặp anh Nguyễn Hữu L. A nói muốn "cắm" xe giá 150.000.000đ, anh L đồng ý và yêu cầu A viết 01 giấy bán xe; 01 giấy nhận tiền; 01 giấy ký gửi xe và yêu cầu A để lại chứng minh thư nhân dân để làm tin. Sau đó, A cầm tiền tiêu xài cá nhân hết nên không có khả năng chuộc xe trả cho anh Th. Ngày 07/10/2017 A đến Công an huyện Y đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Nay A đồng ý bồi thường cho công ty ĐTH số tiền 150.000.000đ.

Anh Nguyễn Đức Th - Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại cơ quan điều tra (CQĐT) có trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 19 giờ ngày 10/6/2017 A có đến nhà anh thuê chiếc xe ôtô BKS 30A-020… của anh để tự lái. Hai bên thỏa thuận thời hạn thuê là 8-10 ngày, giá 750.000đ/ngày. Vì tin tưởng nên anh Th giao toàn bộ giấy tờ xe và không lập hợp đồng thuê xe và cũng không yêu cầu A đặt tài sản gì. Hết thời hạn thuê không thấy A trả xe, anh Th gọi điện cho A không được nên anh Th đã làm đơn trình báo cơ quan công an. Sau này anh mới biết A đã mang chiếc

xe trên đi cầm cố cho công ty ĐTH. Ngày 02/10/2017 công ty ĐTH đã trả lại xe và toàn bộ giấy tờ cho anh. Nay anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về mặt dân sự.

Anh Nguyễn Đức T - Đại diện theo pháp luật của công ty ĐTH vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại cơ quan điều tra (CQĐT) có trong hồ sơ thể hiện: Anh T là giám đốc của công ty. Ngày 12/6/2017 anh Tu gọi điện cho anh nói có người em muốn bán xe. Do không có nhà nên anh gọi điện cho anh L nhờ anh L đến công ty xem xe hộ. Anh L đã dùng số tiền 150.000.000đ của công ty để thanh toán với A. Sau này anh mới biết là anh L nhận cầm cố xe chứ không mua xe của A. Sau khi biết đó là tài sản của anh Th thì anh T đã giao xe cho anh L để trả lại cho anh Th. Nay anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho công ty số tiền 150.000.000đ. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định: Ngày 12/6/2017, Nguyễn Ngọc A sau khi thuê được xe ôtô BKS 30A-020… của anh Nguyễn Đức Th đã mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Chiếc xe có giá trị 230.000.000 đồng nên đã giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố Nguyễn Ngọc A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Sau khi phân tích tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS 1999; Nghị quyết số 41/QH 14 ngày 20/6/2017, Khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 175 BLHS 2015 xử phạt bị cáo từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty ĐTH 150.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015: Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc A.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa thể

hiện: Ngày 12/6/2017, Nguyễn Ngọc A sau khi thuê được xe ôtô BKS 30A-020.. của anh Nguyễn Đức Th đã mang đi cầm cố cho công ty ĐTH để lấy tiền tiêu xài với giá trị chiếc xe hơn 200 triệu đồng. Do vậy đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên toà đề nghị HĐXX tuyên bố Nguyễn Ngọc A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo lần đầu phạm tội, tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 230.000.000đồng nên hành vi của bị cáo phạm vào điểm a khoản 3 Điều 140 BLHS năm 1999 với khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm nhưng theo khoản 3 Điều 175 BLHS năm 2015 quy định: "Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm."

Như vậy khoản 3 Điều 175 BLHS năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn khoản 3 Điều 140 BLHS năm 1999. Để đảm bảo có lợi cho bị cáo cần áp dụng BLHS năm 2015 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu của doanh nghiệp mà còn làm mất trật tự trị an ở địa phương nên hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Không có tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, từ trước đến nay chưa có sai phạm gì. Sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm của bị cáo, HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhằm giáo dục và cải tạo.

Bị cáo chưa có việc làm ổn định, kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 150.000.000đ L đưa cho A là tiền của công ty ĐTH nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty ĐTH do anh Nguyễn Văn T đại diện nhận số tiền 150.000.000đ.

Anh Thịnh đã nhận lại tài sản và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Thịnh.

Về vật chứng: Đối với chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc A là giấy tờ tùy thân của A nên cần trả lại cho A. Còn 01 giấy bán xe; 01 giấy nhận tiền; 01 giấy ký gửi xe là vật chứng của vụ án cần lưu theo hồ sơ.

Anh Nguyễn Hữu L là người nhận cầm cố chiếc xe nhưng L không biết nguồn gốc chiếc xe trên do A thuê của người khác. Vì vậy Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố" đối với L là phù hợp.

Đối với Nguyễn Công Th là người đi cầm cố cùng A, Nguyễn Văn Tu là người giới thiệu để A đến cầm cố tại công ty ĐTH nhưng không biết chiếc xe là do A phạm tội mà có nên CQĐT Công an huyện Y không xử lý hình sự mà chỉ giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Nguyễn Ngọc A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 42 BLHS năm 1999; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 175 BLHS năm 2015; Điều 106; Điều 329; Điều 136 BLTTHS; các Điều 584-585-589 và 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự (LTHADS)

Phạt: Nguyễn Ngọc A 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/10/2017. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2018) theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu bồi thường của anh Nguyễn Đức Th.

Buộc Nguyễn Ngọc A phải bồi thường cho công ty ĐTH do anh Nguyễn Văn T làm Giám đốc đại diện số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất qui định tại Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về vật chứng: Trả lại A 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc A. Lưu theo hồ sơ 01 giấy bán xe; 01 giấy nhận tiền; 01 giấy ký gửi xe do anh L giao nộp.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 LTHADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 LTHADS. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh.
-VKS, CA, THADS huyện.
-Những người tham gia tố tụng.
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)
Lương Đức Năm